

SỞ Y TẾ TP. CẦN THƠ
BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Số: 1242/TM.BVNĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Cần Thơ, ngày 06 tháng 7 năm 2026

THƯ MỜI BÁO GIÁ
Về việc Mua thiết bị điện nước sử dụng tại
Bệnh viện Nhi đồng thành phố Cần Thơ năm 2026

Kính gửi: Quý Đơn vị.

Bệnh viện Nhi đồng thành phố Cần Thơ có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, làm cơ sở cho việc tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Mua thiết bị điện nước sử dụng tại Bệnh viện Nhi đồng thành phố Cần Thơ năm 2026. Kính mời Quý đơn vị gửi Hồ sơ báo giá theo các nội dung sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Nhi đồng Thành phố Cần Thơ
- Thông tin liên hệ của bộ phận tiếp nhận báo giá: Phòng Hành chính quản trị, Số điện thoại: 0292.3748340.
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Gửi về Phòng Hành chính quản trị - Bệnh viện Nhi đồng thành phố Cần Thơ, số 345 Nguyễn Văn Cừ, phường An Bình, thành phố Cần Thơ.
 - Hoặc gửi qua địa chỉ mail: bvnd.hcqt@gmail.com
- Nội dung ghi ngoài bì thư báo giá: “Hồ sơ báo giá về việc Mua thiết bị điện nước sử dụng tại Bệnh viện Nhi đồng thành phố Cần Thơ năm 2026”.
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 06 tháng 7 năm 2026 đến hết ngày 12 tháng 7 năm 2026. Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: ≥ 90 ngày kể từ ngày ký báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá và tài liệu kèm theo báo giá

- Nội dung yêu cầu báo giá: Xem bảng 01 đính kèm.
- Tài liệu kèm theo báo giá: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Thông tin về năng lực, kinh nghiệm của đơn vị.

Bệnh viện Nhi đồng thành phố Cần Thơ mong nhận được sự quan tâm và hợp tác của Quý đơn vị.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HCQT.



BS. CKII. Ông Huy Thanh

DANH MỤC THIẾT BỊ ĐIỆN NƯỚC NĂM 2026
(Đính kèm thư mời báo giá số: 1242/TM.BVNĐ ngày 06 tháng 7 năm 2026)

STT	Mã sản phẩm	Tên thiết bị	Mô tả đặc tính, kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	26ĐN001	MCB 20A (cầu dao tự động)	Chất liệu: Nhựa; Dòng điện định mức: $\geq 25A$; Dòng cắt: 10 kA; Điện áp: sử dụng tương thích lưới điện 220V-240V, 50Hz/60Hz; Kích thước: 81mm x 36mm; Thời gian bảo hành: ≥ 6 tháng kể từ ngày mua hàng	Cái	50		
2	26ĐN002	MCB 32A (cầu dao tự động)	Chất liệu: Nhựa; Số cực: 2 cực; Dòng điện định mức: 32A; Dòng cắt: 10 kA; Điện áp: sử dụng tương thích lưới điện 380V, 50Hz/60Hz; Kích thước: 81mm x 36mm; Thời gian bảo hành: ≥ 6 tháng kể từ ngày mua hàng	Cái	50		
3	26ĐN003	MCB 40A (cầu dao tự động)	Chất liệu: Nhựa; Số cực: 2 cực; Dòng điện định mức: 40A; Dòng cắt: 10 kA; Điện áp: sử dụng tương thích lưới điện 380V, 50Hz/60Hz; Kích thước: 81mm x 36mm; Thời gian bảo hành: ≥ 6 tháng kể từ ngày mua hàng	Cái	50		
4	26ĐN004	Vỏ CB cóc	Chất liệu: Nhựa chống cháy; Hộp để nổi dùng cho CB 2 tép (2P)	Cái	50		
5	26ĐN005	CB cóc	Chất liệu: Nhựa; Loại 1 pha, 2 cực Dòng điện định mức: 10A; Dòng cắt (kA): 1,5kA; Điện áp: sử dụng tương thích lưới điện 220V-240V, 50Hz/60Hz; Kích thước: 32mm x 70mm	Cái	50		
6	26ĐN006	Mặt công tắc 1 hạt	Màu trắng hoặc màu khác theo yêu cầu bệnh viện khi giao hàng Hạt công tắc: lắp được 1 hạt Ổ cắm đôi 2 chấu: lắp được 2 hạt ổ cắm	Bộ	100		
7	26ĐN007	Mặt công tắc 2 hạt (Mặt 2)	Màu trắng hoặc màu khác theo yêu cầu bệnh viện khi giao hàng Hạt công tắc: lắp được 2 hạt Ổ cắm đôi 2 chấu: lắp được 2 hạt ổ cắm	Bộ	100		

STT	Mã sản phẩm	Tên thiết bị	Mô tả đặc tính, kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
8	26ĐN008	Mặt công tắc 3 hạt (Mặt 3)	Màu trắng Hạt công tắc: lắp đc 3 hạt Ổ cắm đôi 2 chấu: lắp được 3 hạt ổ cắm	Bộ	50		
9	26ĐN009	Công tắc 1 chiều	250VAC - 16A Công tắc 1 chiều chuẩn IEC	Cái	100		
10	26ĐN010	Ổ cắm 1 chiều	250VAC - 16A (Bắt vít)	Cái	150		
11	26ĐN011	Phích cái	Phích cái tiếp xúc được làm từ vật liệu đồng chất lượng cao. Idm: 10 A. Udm: 250 V/ 50 Hz	Cái	200		
12	26ĐN012	Ổ điện	Số ổ cắm 6 ổ đa năng 3 chấu. Tiết diện dây 2x0.75mm. Chiều dài dây $\geq 3m$ Số công tắc 2. Đèn báo tích hợp với công tắc Số lõi dây 2. Công suất tối đa 2200W. Dòng tối đa 10A	Cái	50		
13	26ĐN013	Dây điện đơn 6.0 Cadivi	Dây điện đơn 6,0 Cấp điện áp U0/U: 0,6/1 kV. Điện áp thử: 3,5 kV (5 phút) Ruột dẫn: Đồng mềm nhiều sợi xoắn Quy cách: $\geq 100m/cuộn$	Cuộn	3		
14	26ĐN014	Dây điện 4.0 đôi Cadivi (2 vỏ bọc)	Kích thước: 2x4.0. Ruột dẫn: Đồng mềm nhiều sợi xoắn Số ruột: 2 ruột. Mặt cắt danh định của dây: ruột dây đến 4.0mm ² Cấp điện áp: 0,6/1KV. Quy cách: $\geq 100m/cuộn$	Cuộn	5		
15	26ĐN015	Dây điện đơn 4.0 Cadivi	Cấp điện áp U0/U: 0,6/1 kV. Điện áp thử: 3,5 kV (5 phút) Ruột dẫn: Đồng mềm nhiều sợi xoắn Quy cách: $\geq 100m/cuộn$	Cuộn	5		
16	26ĐN016	Dây điện 1.5 đôi Cadivi (2 vỏ bọc)	Kích thước: 2x1.5. Ruột dẫn: Đồng mềm nhiều sợi xoắn Số ruột: 2 ruột. Mặt cắt danh định của dây: ruột dây đến 1.5mm ² Cấp điện áp: 0,6/1KV. Quy cách: $\geq 100m/cuộn$	Cuộn	10		
17	26ĐN017	Dây điện 2.5 đôi Cadivi (2 vỏ bọc)	Kích thước: 2x2.5. Ruột dẫn: Đồng mềm nhiều sợi xoắn Số ruột: 2 ruột. Mặt cắt danh định của dây: ruột dây đến 2.5mm ² Cấp điện áp: 0,6/1KV. Quy cách: $\geq 100m/cuộn$	Cuộn	10		

STT	Mã sản phẩm	Tên thiết bị	Mô tả đặc tính, kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
18	26ĐN018	Dây điện 2.5 đơn Cadivi	Kích thước: 2.5. Ruột dẫn: Đồng mềm nhiều sợi xoắn. Số ruột: 2 ruột Mặt cắt danh định của dây: ruột dây đến 2.5mm ² . Cấp điện áp: 0,6/1KV Quy cách: ≥ 100m/cuộn	Cuộn	10		
19	26ĐN019	Máng đèn led dài 0.6m	Điện áp: sử dụng tương thích lưới điện 220V-240V50Hz/60Hz; Sử dụng tương thích với bóng đèn led 0.6 m Chất liệu: Hợp kim nhôm, sơn tĩnh điện	Cái	50		
20	26ĐN020	Led panel 300x1200	Công suất: 40W. Chíp Led: 2835 Taiwant. Quang thông: >100lm/w Điện áp: 220V. Kích thước: 300x1200xH10mm. Nhiệt độ màu: 6500k	Cái	50		
21	26ĐN021	Đui đèn	Chất liệu: Vỏ nhựa ABS; Chuẩn đui E27; Điện áp: sử dụng tương thích lưới điện 220V-240V, 50Hz/60Hz	Cái	50		
22	26ĐN022	Bóng đèn led tròn 30w Rạng Đông	Bóng led tròn Rạng Đông. Công suất: 30W Điện áp: 220V/50Hz. Đầu đèn: E27 Kích thước (ØxH): (120 x 220)mm Tuổi thọ: ≥ 20.000h	Bóng	100		
23	26ĐN023	Máng đèn led dài 1.2m	Điện áp: sử dụng tương thích lưới điện 220V-240V50Hz/60Hz; Sử dụng tương thích với bóng đèn led 1,2 m Chất liệu: Hợp kim nhôm, sơn tĩnh điện	Cái	150		
24	26ĐN024	Đui đèn cảm biến chuyển	Chuẩn đui E27 – tương thích hầu hết các loại bóng đèn phổ biến. Công suất tải: ≤ 60W. Góc quét toàn diện 120°, phát hiện chuyển động từ mọi hướng. Khoảng cách cảm biến: ≤ 6m (bán kính). Điện áp: 110–240VAC, phù hợp hầu hết hệ thống điện gia đình. Có thể điều chỉnh thời gian và độ nhạy sáng theo nhu cầu sử dụng. Chỉ số IP20 – an toàn khi dùng trong nhà	Cái	300		
25	26ĐN025	Bóng đèn led tròn 12w Rạng Đông	Bóng led tròn Rạng Đông. Công suất: 12W. Điện áp: 220V/50Hz Đầu đèn: E27. Nhiệt độ màu: 3000K/6500K. Tuổi thọ: ≥ 20.000h	Bóng	600		

STT	Mã sản phẩm	Tên thiết bị	Mô tả đặc tính, kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
26	26ĐN026	Bóng đèn led dài 0.6m Rạng Đông	Bóng đèn led 0.6m Rạng Đông. Công suất: 10W Điện áp: 170-250/50Hz. Hiệu suất sáng: 90/94 lm/W Quang thông: 900/940lm. Nhiệt độ màu: 3000K/6500K Chỉ số hoàn màu: 85. Tuổi thọ (giờ): ≥ 30.000 (L70)	Bóng	800		
27	26ĐN027	Bóng đèn led dài 1.2m Rạng Đông	Bóng đèn led 1m2 Rạng đông. Công suất: 40w Điện áp hoạt động: (170-250)V/(50-60)Hz Nhiệt độ màu: 6500K/5000K/4000K/3000K Quang thông: 2600/2600/2600/2400lm Tuổi thọ ≥ 30.000 giờ. Kích thước (ØxL): (27 x 1.213)mm	Bóng	1200		
28	26ĐN028	Nẹp 2.5 phân (cm)	Kích thước chiều rộng: 25mm; Màu: trắng; Chiều dài: ≥ 1700 mm	Cây	150		
29	26ĐN029	Nẹp 4 phân (cm)	Kích thước chiều rộng: 40 mm; Chiều dài: ≥ 1700 mm; Màu: trắng	Cây	150		
30	26ĐN030	Tắc kê nhựa	Kích cỡ: 6F 8F Quy cách: ≥ 100 cái /Bịch	Bịch	50		
31	26ĐN031	Đinh thép	Đinh thép đóng tường phù hợp cho dụng cụ đóng đinh bằng tay ST18 Quy cách: ≥ 722 cây đinh /Hộp	Hộp	100		
32	26ĐN032	Vít đen	Kích thước: 3cm Quy cách: $\geq 100g$ /Bịch	Bịch	150		
33	26ĐN033	Quạt hút	Loại âm trần 20cm. Điện áp: 220v Công suất: 150W	Cái	50		
34	26ĐN034	Bộ gáo quạt, nắp chụp sau quạt	Chất liệu: nhựa Thích hợp với các loại quạt hộp phổ thông trên thị trường	Bộ	100		
35	26ĐN035	Cốt quạt	Phi 8 x 21cm	Cây	150		
36	26ĐN036	Cánh quạt treo	Cánh quạt: 3 lá; Đường kính cánh quạt 30 cm đến 40 cm; Tương thích với đường kính lồng quạt 35 cm – 45 cm, sử dụng cho loại cốt quạt tròn đầu có ngàm; Chất liệu: nhựa hoặc mica	Cái	200		
37	26ĐN037	Lồng quạt	Bộ vỏ lồng quạt B3 size 35cm sử dụng cho cánh 30cm	Bộ	300		

STT	Mã sản phẩm	Tên thiết bị	Mô tả đặc tính, kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
38	26ĐN038	Đảo cơ	Chủng loại: Nhông cơ B3, B4, B5 Sử dụng tương thích cho quạt treo tường	Cái	300		
39	26ĐN039	Tụ điện quạt	Điện áp: 450VAC Dung lượng: 2,5μF	Cái	350		
40	26ĐN040	Nắp nhôm quạt	Chất liệu: ốp nhôm, không bạc đạn. Vòng bi tròn trục 8mm Màu sắc: Xám hoặc màu khác theo yêu cầu bệnh viện khi giao hàng	Cái	350		
41	26ĐN041	Khóa lồng	Chất liệu: Đồng thau; Tán vặn cố định lồng quạt dùng để khóa phần lồng sau của quạt; Kích thước trong: 34 mm	Cái	350		
42	26ĐN042	Khóa cánh	Chất liệu: răng trong bằng đồng. Nhựa hoặc đồng thau; Vòng ren bằng đồng hoặc tương đương; Sử dụng tương thích với cốt quạt có đường kính 8 mm	Cái	350		
43	26ĐN043	Nhông điện	Điện 220v - Nhông Cơ B4 B5 (mô tơ đảo)	Cái	300		
44	26ĐN044	Lốc quạt	Chất liệu: đồng. Kích thước lỗ: 46mm, độ dày mạch từ: 15mm Công suất: 40W. Cuộn dây xài cho các loại quạt B3 B4 B5/46	Cái	500		
45	26ĐN045	Mũi khoan số 10	Mũi hợp kim 10li	Cái	10		
46	26ĐN046	RP7 (Xịt chống sét)	RP7 chứa một loại dầu bôi trơn dễ thấm có thể làm ngưng phát ra tiếng kêu rít và bóng các phần bị rỉ sét	Chai	12		
47	26ĐN047	Mũi khoan số 8	Mũi hợp kim 8li	Cái	20		
48	26ĐN048	Mũi khoan số 3	Mũi hợp kim 3li	Cái	30		
49	26ĐN049	Mũi khoan số 6	Mũi hợp kim 6li	Cái	30		
50	26ĐN050	Dung dịch vệ sinh máy lạnh	Nước tẩy dàn lạnh, vệ sinh đa năng cho điều hòa, máy lạnh. Thành phần: Dung dịch dạng lỏng có tính kiềm cao	Lít	100		

STT	Mã sản phẩm	Tên thiết bị	Mô tả đặc tính, kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
51	26ĐN051	Ổ khóa tay nắm cửa	Thân ổ khoá được làm bằng đồng nguyên khối. Khoá Chìa móc khoá làm bằng hợp kim cao cấp. Đường kính móc khóa: 52mm Tổng độ dài: 85mm. Tổng rộng: 58mm. Móc khóa phi 10mm	Bộ	150		
52	26ĐN052	Băng keo điện	Băng keo điện Quy cách: nhiều màu. 0.13mm x 18mm x 20yds	Cuộn	300		
53	26ĐN053	Cốc bồn cầu	Chất liệu: nhựa cao cấp siêu bền và viền silicon dẻo	Cái	200		
54	26ĐN054	Phao bồn cầu	Chất liệu: nhựa siêu bền. Dùng được cho cả bột gạt và bột 2 nhấn Có thể điều chỉnh lượng nước cấp vào két, tiết kiệm. Chiều cao ống: 26cm	Cái	200		
55	26ĐN055	Bộ xả cầu một nút nhấn	Vật liệu: nhựa pp Liên kết bồn cầu kết rời hãng Caesar	Bộ	200		
56	26ĐN056	Vòi lavabo	Chất liệu: inox 304 Chế độ: 01 đường nước	Cái	450		
57	26ĐN057	Bộ xả Lavabo	Bộ xả lật ruột gà. Độ dài max 120cm Đầu ống xả thiết kế tiêu chuẩn với đường kính bề mặt inox 14cm, phù hợp tương thích với mọi bồn rửa mặt (lavabo)	Bộ	100		
58	26ĐN058	Bộ xả Lavabo	Bộ xả lật ruột gà. Độ dài max 120cm Đầu ống xả thiết kế tiêu chuẩn với đường kính bề mặt inox 11cm, phù hợp tương thích với mọi bồn rửa mặt (lavabo)	Bộ	100		
59	26ĐN059	Bộ xả Lavabo	Bộ xả lật ruột gà. Độ dài max 120cm Đầu ống xả thiết kế tiêu chuẩn với đường kính bề mặt inox 6cm, phù hợp tương thích với mọi bồn rửa mặt (lavabo)	Bộ	100		
60	26ĐN060	Tay xịt bồn cầu	Chất liệu: Bằng nhựa PVC. Lõi van bằng nhựa POM Áp lực nước: 0.05 MPa ~ 0.75 Mpa	Cái	300		
61	26ĐN061	Bộ củ sen	Vật liệu: đồng mạ crom. Dây sen inox 304 Bát sen nhựa đúc 1 chế độ	Bộ	150		

STT	Mã sản phẩm	Tên thiết bị	Mô tả đặc tính, kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
62	26ĐN062	Tay sen	Vật liệu: nhựa ABS. Lớp mạ crom Lưu lượng 0,1MPA<9l/min	Bộ	150		
63	26ĐN063	Ống 21	Vật liệu: nhựa. Đường kính ống phi 21 dày 1.8mm	Ống	50		
64	26ĐN064	Ống 27	Vật liệu: nhựa. Đường kính ống phi 27 dày 1.8mm	Ống	50		
65	26ĐN065	Ống 114	Vật liệu: nhựa. Đường kính ống phi 114 dày 1.8mm	Ống	200		
66	26ĐN066	Co 21 nhựa PVC Bình Minh	Vật liệu: nhựa. Đường kính ống phi 21 dày 1.8mm	Cái	50		
67	26ĐN067	Co 27 nhựa PVC Bình Minh	Vật liệu: nhựa. Đường kính ống phi 27 dày 1.8mm	Cái	50		
68	26ĐN068	Co 34 nhựa PVC Bình Minh	Vật liệu: nhựa. Đường kính ống phi 34 dày 1.8mm	Cái	50		
69	26ĐN069	Co 42 nhựa PVC Bình Minh	Vật liệu: nhựa. Đường kính ống phi 42 dày 1.8mm	Cái	50		
70	26ĐN070	Co lơ 21 nhựa PVC Bình Minh	Vật liệu: nhựa. Đường kính ống phi 21 dày 1.8mm	Cái	50		
71	26ĐN071	Co lơ 27 nhựa PVC Bình Minh	Vật liệu: nhựa. Đường kính ống phi 27 dày 1.8mm	Cái	50		
72	26ĐN072	Co lơ 34 nhựa PVC Bình Minh	Vật liệu: nhựa. Đường kính ống phi 34 dày 1.8mm	Cái	50		
73	26ĐN073	Co lơ 42 nhựa PVC Bình Minh	Vật liệu: nhựa. Đường kính ống phi 42 dày 1.8mm	Cái	50		
74	26ĐN074	T 21 nhựa PVC Bình Minh	Vật liệu: nhựa. Đường kính ống phi 21 dày 1.8mm	Cái	50		
75	26ĐN075	T 27 nhựa PVC Bình Minh	Vật liệu: nhựa. Đường kính ống phi 27 dày 1.8mm	Cái	50		
76	26ĐN076	T 34 nhựa PVC Bình Minh	Vật liệu: nhựa. Đường kính ống phi 34 dày 1.8mm	Cái	50		

STT	Mã sản phẩm	Tên thiết bị	Mô tả đặc tính, kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
77	26ĐN077	T 42 nhựa PVC Bình Minh	Vật liệu: nhựa. Đường kính ống phi 42 dày 1.8mm	Cái	50		
78	26ĐN078	Nối thẳng 21 nhựa PVC Bình Minh	Vật liệu: nhựa. Đường kính ống phi 21 dày 1.8mm	Cái	50		
79	26ĐN079	Nối thẳng 27 nhựa PVC Bình Minh	Vật liệu: nhựa. Đường kính ống phi 27 dày 1.8mm	Cái	50		
80	26ĐN080	Nối thẳng 34 nhựa PVC Bình Minh	Vật liệu: nhựa. Đường kính ống phi 34 dày 1.8mm	Cái	50		
81	26ĐN081	Nối thẳng 42 nhựa PVC Bình Minh	Vật liệu: nhựa. Đường kính ống phi 42 dày 1.8mm	Cái	50		
82	26ĐN082	Van khóa 21 PVC Bình Minh	Vật liệu: nhựa. Đường kính ống phi 21 dày 1.8mm	Cái	50		
83	26ĐN083	Van khóa 27 PVC Bình Minh	Vật liệu: nhựa. Đường kính ống phi 27 dày 1.8mm	Cái	50		
84	26ĐN084	Răng ngoài 21 PVC Bình Minh	Vật liệu: nhựa. Đường kính ống phi 21 dày 1.8mm	Cái	50		
85	26ĐN085	Dây cấp nước 0.4m	Chiều dài: 0.4m. Chất liệu: Vỏ nhựa PVC và inox	Cái	200		
86	26ĐN086	Tê chia nước	Chất liệu: inox đúc 304 xước mờ	Cái	100		
87	26ĐN087	Dây cấp nước 1.2m	Chiều dài: 1.2m. Chất liệu: Vỏ nhựa PVC và inox	Cái	250		
88	26ĐN088	Phao điện	Điện áp 220v AC/50HZ. Số lần đóng ngắt 1 triệu lần	Cái	20		
89	26ĐN089	Ron 21	Vật liệu: cao su. Đường kính ống phi 21. Bịch 100 cái	Bịch	20		
90	26ĐN090	Móc đóng 21	Vật liệu: nhựa. Móc đường kính ống phi 21. Bịch 100 con	Bịch	10		
91	26ĐN091	Móc đóng 27	Vật liệu: nhựa. Móc đường kính ống phi 27. Bịch 100 con	Bịch	10		
92	26ĐN092	Móc đóng 34	Vật liệu: nhựa. Móc đường kính ống phi 34. Bịch 100 con	Bịch	10		
93	26ĐN093	Móc đóng 42	Vật liệu: nhựa. Móc đường kính ống phi 42. Bịch 100 con	Bịch	10		

STT	Mã sản phẩm	Tên thiết bị	Mô tả đặc tính, kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
94	26ĐN094	Vòi hồ	Vật liệu: đồng mạ crom. Vòi tường lạnh phi 21	Cái	150		
95	26ĐN095	Cao su non	Keo lựa quần ống nước	Cuộn	100		
96	26ĐN096	Keo dán ống nước Bình Minh	Keo dán ống nước 200g. Dán ống và phụ tùng ống nhựa PVC	Hộp	10		
TỔNG							
THUẾ VAT							
TỔNG CỘNG							

